

Số: 11/2019/QĐST-HNGĐ

Đồ Sơn, ngày 01 tháng 02 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN ĐỒ SƠN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Căn cứ vào các điều 212, 213, khoản 4 điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 10/2019/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 01 năm 2019 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Chị Lưu Thị T, nơi cư trú: Tổ dân phố 3, phường V, quận Đ, thành phố Hải Phòng;

- Anh Nguyễn Đăng D, nơi cư trú: Tổ dân phố 3, phường V, quận Đ, thành phố Hải Phòng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lưu Thị T và anh Nguyễn Đăng D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Vạn Hương, thị xã Đồ Sơn (nay là quận Đồ Sơn), thành phố Hải Phòng, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 15 ngày 11-5-1998. Chị T và anh D chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã và xúc phạm nhau. Nguyên nhân là do anh, chị luôn bất đồng về quan điểm sống, phong cách sống của hai bên không còn phù hợp. Chị T và anh D đã cố gắng khắc phục chung sống hòa thuận vì các con nhưng tình trạng hôn nhân ngày càng trầm trọng hơn, cãi nhau nhiều hơn, tình cảm vợ chồng càng lạnh nhạt. Chị T và anh D đã sống ly thân, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, việc ai người ấy làm, không còn quan hệ gì về kinh tế. Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh D đã không còn hạnh phúc, mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài;

việc chị T và anh D thuận tình ly hôn được ghi nhận trong Biên bản hòa giải, đối thoại thành ngày 24 tháng 01 năm 2019 là có căn cứ cần được công nhận.

[2] Về con chung: Chị T và anh D có 02 con chung là Nguyễn Phương C, sinh năm 1998 và Nguyễn Đăng Duy A, sinh ngày 16 tháng 11 năm 2008, cháu C đã thành niên nên chị T và anh D không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị T và anh D thỏa thuận giao cháu Duy A cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi; về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, anh, chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết hoặc đến khi có sự thay đổi về người trực tiếp nuôi con, về cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật. Xét thấy chị T có đủ điều kiện để nuôi dưỡng con; cháu Duy A có nguyện vọng được sống cùng với mẹ sau khi bố, mẹ ly hôn; việc thỏa thuận nuôi con của chị T và anh D là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với nguyện vọng và đảm bảo quyền lợi của cháu Duy A nên cần được công nhận.

[3] Về tài sản chung: Chị T và anh D thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[4] Về lệ phí Tòa án: Chị T và anh D thỏa thuận để chị T nộp 300.000 đồng lệ phí dân sự sơ thẩm. Căn cứ khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, cần công nhận sự thỏa thuận của chị T và anh D.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Lưu Thị T và anh Nguyễn Đăng D thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Chị T và anh D thỏa thuận giao cháu Nguyễn Đăng Duy A, sinh ngày 16 tháng 11 năm 2008 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi; về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, anh, chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết hoặc đến khi có sự thay đổi về người trực tiếp nuôi con, về cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Chị T và anh D thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về các vấn đề khác: Không.

2. Về lệ phí Tòa án: Chị T nhận nộp lệ phí dân sự sơ thẩm 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm chị

đã nộp 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng, theo Biên lai số: 0006933 ngày 24 tháng 01 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng, chị T đã nộp đủ lệ phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND quận Đồ Sơn;
- Chi cục THADS quận Đồ Sơn;
- UBND phường Vạn Hương;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự, HCTP.

THẨM PHÁN

Phạm Hữu Trường